

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ- ST
Ngày 10 tháng 02 năm 2025
“Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN - TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hảo và Lê Thị Bích Thuần

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 11 năm 2024 *“Về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXX ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐ- HPT ngày 03/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị Ng** , sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Cộng Hòa, thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: **Ông Thái Văn Ph** , sinh năm 1970; nơi cư trú: **Thôn T Th, xã Tr , huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ng trình bày:*

Bà Ng và ông Thái Văn Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng đến tháng 4 năm 2008 mới đăng ký kết hôn. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn **bà Ng** về làm dâu chung sống cùng gia đình **ông Ph** ở tại **Thôn T Th, xã Tr M, huyện B X**. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2020

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, **ông Ph** cờ bạc, rượu chè nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau, **bà Ng** đã về nhà bố mẹ ở Thôn Cộng Hòa, thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch. **Bà Ng** đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn **ông Ph** vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Thái Tiến Dũng, sinh ngày 13/01/2004 và Thái Tiến Mạnh- sinh ngày 08/02/2010 (cháu Dũng đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết). Cháu Mạnh đang ở cùng **ông Ph** vì hiện nay cháu đang theo học tại Bình Xuyên nhưng **bà Ng** vẫn có trách nhiệm chăm lo và đóng toàn bộ tiền học cho cháu. Ly hôn **bà Ng** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh và không yêu cầu **ông Ph** phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Thái Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình làm việc trình bày: **Ông Ph** xác nhận lời trình bày của **bà Ng** về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như **bà Ng** trình bày là đúng và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. **Ông Ph** xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng **ông Ph** mong muốn vợ chồng về đoàn tụ vì các con của ông bà đều đã đến tuổi lập gia đình. Tại biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2024, **ông Ph** trình bày chỉ đồng ý ly hôn với **bà Ng** với điều kiện **bà Ng** phải có trách nhiệm trả cho **ông Ph** số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) vì trong thời gian chung sống cùng nhau **ông Ph** đã nhiều lần đưa tiền cho **bà Ng** để **bà Ng** mua vàng, lần nhiều nhất là đưa 70.000.000 đồng, lần ít nhất là đưa 20.000.000 đồng. Ngoài ra có lần **ông Ph** đưa cho **bà Ng** 05 chỉ vàng, có lần đưa 01 cây vàng để **bà Ng** cất giữ. Biên bản làm việc ngày 07/02/2025 **ông Ph** chỉ đề nghị **bà Ng** phải có trách nhiệm thanh toán cho **ông Ph** số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) thì **ông Ph** mới đồng ý ly hôn bà Nguyệt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như **bà Ng** trình bày. Cháu Thái Tiến Dũng đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Thái Tiến Mạnh hiện nay đang ở cùng cháu Thái Tiến Dũng. Ly hôn **ông Ph** đề nghị được nuôi dưỡng cháu Mạnh và không yêu cầu **bà Ng** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho bà Phạm Thị Ng được ly hôn ông Thái Văn Ph .

Về con chung: Giao cháu Thái Tiên Mạnh cho bà Phạm Thị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng, **ông Ph** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn Ph về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ng phải thanh toán trả số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa cho ông Thái Văn Ph theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng tại phiên tòa ngày 03/01/2025 và ngày 17/01/2025, **ông Ph** vẫn không đến Tòa án để tham gia xét xử. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và quyết định mở lại phiên tòa (lần thứ ba) vào ngày 10/02/2025. Ngày 06/02/2025 **ông Ph** trực tiếp đến Tòa án nộp đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do đang điều trị bệnh tại nhà vì bị đau đầu do rối loạn tiền đình. Xét thấy, **ông Ph** đã được Tòa án triệu tập lần thứ ba đến Tòa án để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, do đó pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Văn Ph và bà Phạm Thị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng đến tháng 4 năm 2008 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân theo **bà Ng** trình bày là do **ông Ph** rượu chè, cờ bạc và thường đánh đuổi bà nên vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Còn phía **ông Ph** cho rằng vợ chồng cũng có mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm

nên tình cảm rạn nứt. **Ông Ph** xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng **ông Ph** không đồng ý ly hôn với lý do các con của ông bà đều đến tuổi lập gia đình và chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện **bà Ng** phải có trách nhiệm thanh toán cho **ông Ph** số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa **bà Ng** và **ông Ph** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân **ông Ph** cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn nên vợ chồng không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Phía **ông Ph** trình bày mong muốn về đoàn tụ nhưng bản thân **ông Ph** không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà lại có quan điểm chỉ đồng ý ly hôn khi **bà Ng** đưa cho ông số tiền 300.000.000 đồng. Điều này thấy rằng, quan điểm không đồng ý ly hôn của **ông Ph** không xuất phát từ tình cảm yêu thương và nguyện vọng thực sự muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông Phương, **bà Ng** thể hiện tình cảm vợ chồng của ông Phương, **bà Ng** có nhiều mâu thuẫn. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của **bà Ng** để **bà Ng** được ly hôn **ông Ph** theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Thái Tiến Dũng, sinh năm 2004 và Thái Tiến Mạnh, sinh ngày 08/02/2010. Cháu Dũng đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Thái Tiến Mạnh thì cả **ông Ph** và **bà Ng** đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Mạnh có nguyện vọng muốn được ở cùng bà Nguyệt. Quá trình làm việc cả **ông Ph** và **bà Ng** đều xác nhận hiện nay cháu Mạnh đang ở trọ cùng với cháu Thái Tiến Dũng tại thôn Ngũ Hồ, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên nhưng **bà Ng** vẫn có trách nhiệm chăm lo, đóng tiền học và chu cấp sinh hoạt cho cháu Dũng, còn phía **ông Ph** không có trách nhiệm gì đối với cháu Mạnh.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh của **ông Ph** và **bà Ng** là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho cháu Mạnh. Phía **ông Ph** thừa nhận hiện nay đang đi ở trọ, làm nghề tự do và thu nhập không ổn định, còn **bà Ng** đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc và có thu nhập ổn định 8.000.000 đồng/tháng

Do đó cần giao cháu Thái Tiến Mạnh cho bà Phạm Thị Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, **ông Ph** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ và công sức: Cả **bà Ng** và **ông Ph** đều không đề nghị giải quyết. Tuy nhiên, **ông Ph** trình bày: ông yêu cầu **bà Ng** có trách nhiệm trả cho **ông Ph** số tiền 300.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn **bà Ng** với lý do trong thời gian chung sống khoảng 10 năm trở lại đây **ông Ph** rất nhiều lần đưa tiền cho **bà Ng** để **bà Ng** mua vàng. Ngoài ra có lần **ông Ph** đưa cho **bà Ng** 05 chỉ vàng, có lần đưa cho **bà Ng** 01 cây vàng để **bà Ng** cất giữ.

Phía **bà Ng** không đồng ý với đề nghị này của **ông Ph** vì khẳng định không bao giờ **ông Ph** đưa tiền và vàng cho bà Nguyệt. Bản thân **ông Ph** cò bạc, nợ nần phải bán nhà để trả nợ nên không có tiền đưa cho bà Nguyệt.

Xét yêu cầu của **ông Ph** đề nghị **bà Ng** phải thanh toán cho **ông Ph** số tiền 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Bản thân **ông Ph** thừa nhận có nợ nần, đã bán toàn bộ nhà đất cho người khác. Hơn nữa **ông Ph** không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án thể hiện việc **ông Ph** đưa tiền và vàng cho **bà Ng** cất giữ, phía **bà Ng** cũng không thừa nhận việc này nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xem xét và chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: **Bà Ng** phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Ng được ly hôn ông Thái Văn Ph

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thái Tiến Mạnh, sinh ngày 08/02/2010, **ông Ph** không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn Ph về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ng phải thanh toán trả cho **ông Ph** số tiền 300.000.000 đồng.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ng phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai số 0002517 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên. **Bà Ng** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (ĐKKH năm 2008);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

Nơi nhận:

- *VKSND thành phố.*
- *Chi cục THA thành phố.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS+ VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TỈNH VINH PHÚC

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Dung.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Về vụ án giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Hằng – sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Hố Lẻ - Hội Hợp, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Hưng - sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm Chám, Định Trung, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đình – sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Khu HC1, Liên Bảo, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (có mặt).

Sau khi các thành viên Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết 3/3 (100%) thống nhất quyết định:

1. Áp dụng các điều 471; 474 và Điều 305 Bộ luật dân sự: Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hằng.

Buộc bà Nguyễn Thị Đình phải trả thanh toán trả nợ cho chị Dương Thị Hằng số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là: **103.680.000đ (Một trăm linh ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).**

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Đình phải chịu 2.592.000đ (Hai triệu năm trăm chín hai nghìn đồng chẵn).

- Hoàn trả chị Dương Thị Hằng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 2.510.000đ (Hai triệu năm trăm mười nghìn đồng chẵn).

Biên bản kết thúc vào hồingày 20 tháng 12 năm 2010, đã được thông qua cho các thành viên HĐXX thống nhất ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung